

Số: 02

Ngày 13/01/2020

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

- Hướng dẫn thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông trong nước mới nhất.*
- Bộ Tài chính lùi thời hạn khai, nộp phí môn bài vào ngày 30/01.*
- Phương pháp và chỉ số đánh giá hiệu quả dự án đầu tư công.*
- Thời gian thẩm định nội bộ việc điều chỉnh chủ trương đầu tư tối đa là 30 ngày.*
- Không dùng doanh thu công ích để tính phí quyền hoạt động viễn thông.*
- Nghiêm cấm Thanh tra tài nguyên môi trường cho thuê, mượn phương tiện chuyên dùng.*
- 05 hình thức xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng sau tiếp nhận.*

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- Thẻ Căn cước công dân có giá trị sử dụng như thế nào?*
- Độ tuổi đổi thẻ Căn cước công dân được quy định như thế nào?*
- Những cơ quan nào có thẩm quyền làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân?*
- Mức thu lệ phí đối với công dân làm thẻ Căn cước công dân?*

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. HƯỚNG DẪN THỦ TỤC CẤP HỘ CHIẾU PHỔ THÔNG TRONG NƯỚC MỚI NHẤT

Đây là nội dung mới được quy định tại Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, số 49/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 22/11/2019.

Theo Luật này quy định Công dân Việt Nam có các quyền sau đây: được cấp giấy tờ xuất nhập cảnh theo quy định của Luật này; người từ đủ 14 tuổi trở lên có quyền lựa chọn cấp hộ chiếu có gắn chip điện tử hoặc hộ chiếu không gắn chip điện tử; được xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật; được bảo đảm bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, trừ trường hợp phải cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật; yêu cầu cung cấp thông tin về xuất cảnh, nhập cảnh của mình; yêu cầu cập nhật, chỉnh sửa thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, giấy tờ xuất nhập cảnh của mình để bảo đảm đầy đủ, chính xác; sử dụng hộ chiếu của mình để thực hiện giao dịch hoặc thủ tục khác theo quy định của pháp luật.

Giấy tờ xuất nhập cảnh bao gồm: hộ chiếu ngoại giao; hộ chiếu công vụ; hộ chiếu phổ thông; giấy thông hành. Hộ chiếu có gắn chip điện tử hoặc không gắn chip điện tử cấp cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên. Hộ chiếu không gắn chip điện tử được cấp cho công dân Việt Nam

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

chưa đủ 14 tuổi hoặc cấp theo thủ tục rút gọn.

Thời hạn của giấy tờ xuất nhập cảnh được quy định như sau: hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ có thời hạn từ 01 năm đến 05 năm; có thể được gia hạn một lần không quá 03 năm. Thời hạn của hộ chiếu phổ thông được quy định như sau: hộ chiếu phổ thông cấp cho người từ đủ 14 tuổi trở lên có thời hạn 10 năm và không được gia hạn; hộ chiếu phổ thông cấp cho người chưa đủ 14 tuổi có thời hạn 05 năm và không được gia hạn; hộ chiếu phổ thông cấp theo thủ tục rút gọn có thời hạn không quá 12 tháng và không được gia hạn. Giấy thông hành có thời hạn không quá 12 tháng và không được gia hạn.

Ngoài ra, các giấy tờ liên quan đến việc cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước bao gồm: Bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với người chưa đủ 14 tuổi; Hộ chiếu phổ thông cấp lần gần nhất đối với người đã được cấp hộ chiếu; Bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ Căn cước công dân đối với trường hợp có sự thay đổi thông tin về nhân thân so với thông tin trong hộ chiếu đã cấp lần gần nhất...

Đề nghị cấp hộ chiếu lần đầu thực hiện tại Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi thường trú hoặc nơi tạm trú; trường hợp có Thẻ Căn cước công dân thực hiện tại Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi thuận tiện. Đề nghị cấp hộ chiếu lần thứ hai thực
Số 02 ngày 13/1/2020 trang 2/9

hiện tại Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi thuận lợi hoặc Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an.

Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận, cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh trả kết quả cho người đề nghị. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận, Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an trả kết quả cho người đề nghị. Đáng chú ý, nếu trả phí dịch vụ chuyên phát, người đề nghị cấp hộ chiếu có thể yêu cầu nhận kết quả tại địa chỉ mà mình muốn.

Luật này có hiệu lực từ ngày 01/7/2020.

2. BỘ TÀI CHÍNH LÙI THỜI HẠN KHAI, NỘP PHÍ MÔN BÀI VÀO NGÀY 30/1

Đây là một trong những giải pháp được Chính phủ nêu ra tại Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020.

Theo đó Chính phủ đề ra mục tiêu năm 2020 phấn đấu cải thiện thứ bậc trên các bảng xếp hạng như sau: môi trường kinh doanh theo xếp hạng EoDB (của WB) lên 10 bậc; năng lực cạnh tranh theo xếp hạng GCI 4.0 (của WEF) lên 5 bậc; đổi mới sáng tạo theo xếp hạng GII (của WIPO) lên 3 - 4 bậc; chính phủ điện tử (của UN) lên 10 - 15 bậc.

Để đạt được các mục tiêu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020, Chính phủ yêu cầu Bộ Xây dựng rà soát lại quy trình, thủ tục cấp phép xây dựng nhằm rút ngắn thời gian cấp phép và thanh tra, kiểm tra xây dựng không quá 50 ngày.

Về kinh doanh, Chính phủ yêu cầu Bộ Tài chính sửa đổi quy định về lệ phí môn bài theo hướng lùi thời hạn khai, nộp phí môn bài vào ngày 30/01 của năm kế tiếp; giám sát việc thực thi quy định đối với thủ tục đặt in/tự in hóa đơn và thông báo phát hành đảm bảo đúng thời hạn 04 ngày. Cải cách mạnh mẽ thủ tục hải quan theo hướng điện tử hóa, hướng tới hải quan điện tử, phù hợp chuẩn mực quốc tế. Đề xuất giải pháp giải quyết ngay các vướng mắc kéo dài trong áp dụng thuế cho nguyên liệu, vật tư dư thừa từ quá trình sản xuất xuất khẩu và gia công xuất khẩu.

Bộ Lao động và Thương binh xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu xây dựng trong quý IV năm 2020 Hệ thống thông tin khai trình lao động trực tuyến kết nối với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020.

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Ngày 01/01/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 01/2020/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 84/2015/NĐ-CP ngày

30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

Theo đó được bổ sung quy định về phương pháp và chỉ số đánh giá hiệu quả dự án đầu tư công như sau: Dự án đầu tư công được đánh giá về hiệu quả đầu tư thông qua các phương pháp so sánh, đối chiếu giữa kết quả, số liệu thực tế và mục tiêu đặt ra, giữa các thông số của dự án tại thời điểm đánh giá và thông số chuẩn hoặc kết hợp các chỉ tiêu này. Ngoài ra, hiệu quả đầu tư dự án này còn được đánh giá bằng phương pháp phân tích chi phí – lợi ích.

Các tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư dự án đầu tư công bao gồm: Mức độ đạt được mục tiêu đầu tư dự án theo quyết định đầu tư được phê duyệt; chỉ số khai thác, vận hành thực tế của dự án so với chỉ số đã được phê duyệt; tỷ suất hoàn vốn nội bộ; các tác động kinh tế - xã hội, môi trường và các mục tiêu phát triển đặc thù khác; các biện pháp giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực về xã hội và môi trường...

Người có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án thuộc thẩm quyền. Việc kiểm tra được thực hiện như sau: kiểm tra ít nhất một lần đối với các dự án do mình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi; kiểm tra khi điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, quy mô, tăng tổng vốn đầu tư.

Cơ quan được giao lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi tự tổ chức thực

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

hiện theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án và báo cáo nội dung sau: việc lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án; tình hình trình thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án; khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và việc xử lý theo thẩm quyền; đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền

Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/01/2020.

4. THỜI GIAN THẨM ĐỊNH NỘI BỘ VIỆC ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ TỐI ĐA LÀ 30 NGÀY

Ngày 01/01/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 02/2020/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 131/2015/NĐ-CP ngày 25/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn về dự án quan trọng quốc gia.

Theo đó, Chính phủ bổ sung quy định về hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư của cơ quan có nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư. Hồ sơ này bao gồm: Tờ trình thẩm định, Báo cáo nghiên cứu đề tài khả thi điều chỉnh hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh, Báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư và các tài liệu khác liên quan. Hồ sơ phải được gửi 15 bộ đến cơ quan chủ quản của chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để thẩm định. Thời gian thẩm định nội bộ tối đa là 30 ngày.

Đối với dự án đang trong quá trình thực hiện nhưng có tiêu chí thuộc dự án quan trọng quốc gia theo quy định được thực hiện như sau: Các dự án được tiếp tục triển khai thực hiện; chủ đầu tư báo cáo tình hình thực hiện đến người quyết định đầu tư hoặc cơ quan đăng ký đầu tư; người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc cơ quan đăng ký đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ để Thủ tướng Chính phủ xem xét và chỉ đạo báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về tình hình triển khai thực hiện dự án; việc quản lý đối với các dự án quy định tại khoản này được thực hiện theo quy định tại Quyết định đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp, hoặc các Quyết định đầu tư, Giấy

chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh trước đó.

Bên cạnh đó, Chính phủ cũng sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 28 Nghị định 131/2015/NĐ-CP, từ quy định về quy trình thẩm định thành quy định về hồ sơ trình thẩm định. Cụ thể, hồ sơ chủ đầu tư báo cáo cơ quan chủ quản bao gồm: Tờ trình thẩm định, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Nghị quyết của Quốc hội về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia và các tài liệu liên quan. Hồ sơ trình thẩm định của cơ quan chủ quản tương tự hồ sơ trên.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/01/2020.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

5. KHÔNG DỪNG DOANH THU CÔNG ÍCH ĐỂ TÍNH PHÍ QUYỀN HOẠT ĐỘNG VIỄN THÔNG

Ngày 31/12/2019, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư 21/2019/TT-BTTTT quy định về thuyết minh doanh thu dịch vụ viễn thông. Theo đó, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm thuyết minh doanh thu dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật kế toán đối với các loại doanh thu sau: doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ viễn thông cho các doanh nghiệp viễn thông trong nước; doanh thu từ việc

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

cung cấp dịch vụ viễn thông cho các đối tác nước ngoài hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam; doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cho người sử dụng dịch vụ viễn thông là đối tượng thụ hưởng dịch vụ viễn thông công ích.

Thuyết minh doanh thu dịch vụ viễn thông bao gồm: thuyết minh doanh thu khách hàng, thuyết minh doanh thu trong nước và chênh lệch thanh toán trong nước, thuyết minh doanh thu quốc tế và chênh lệch thanh toán quốc tế và thuyết minh doanh thu công ích. Trong đó, doanh thu khách hàng, chênh lệch thanh toán trong nước và quốc tế sẽ được sử dụng để

xác định nghĩa vụ nộp phí quyền hoạt động viễn thông và khoản đóng góp của doanh nghiệp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam. Doanh thu công ích của doanh nghiệp không được sử dụng để xác định khoản trên.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp viễn thông cũng có trách nhiệm nộp báo cáo nghiệp vụ thuyết minh doanh thu viễn thông và gửi về Cục Viễn thông đúng hạn. Báo cáo có thể được nộp qua đường bưu chính, nộp trực tiếp tại trụ sở Cục, nộp qua thư điện tử hoặc qua hệ thống báo cáo trực tuyến do Cục Viễn thông cung cấp.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/4/2020.

6. NGHIÊM CẤM THANH TRA TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG CHO THUÊ, MƯỢN PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN DÙNG

Ngày 31/12/2019, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư 27/2019/TT-BTNMT về việc quy định phương tiện, thiết bị kỹ thuật của Thanh tra tài nguyên và môi trường.

Theo đó, cán bộ, công chức thuộc lực lượng Thanh tra tài nguyên và môi trường khi làm nhiệm vụ được sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật để tác nghiệp. Đặc biệt, nghiêm cấm việc cho thuê, cho mượn các phương tiện, thiết bị kỹ thuật để dùng vào mục đích khác. Nếu để mất, hư hỏng phương tiện, thiết bị kỹ thuật phải báo ngay cơ quan và chịu mọi trách nhiệm về hậu quả xảy ra trừ trường hợp bất khả kháng.

Cụ thể, phương tiện phục vụ cho hoạt động là xe ô tô chuyên dùng màu xanh đen, trong cabin có vị trí gắn các thiết bị chuyên dùng khác, hai bên cửa xe được gắn biển hiệu nhận biết. Các thiết bị kỹ thuật gồm máy bộ đàm, máy ảnh, máy ghi âm, máy tính xách tay, máy camera chuyên dùng và các thiết bị kỹ thuật khác theo yêu cầu nghiệp vụ của từng chuyên ngành tài nguyên và môi trường. Bên cạnh đó, đối với Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thì việc trang bị xe theo định mức thỏa thuận với Bộ Tài chính và do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính.

Giá xe chuyên dùng được xác định khi tổ chức Thanh tra tài nguyên và môi trường lập kế hoạch hoặc lập dự án mua sắm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kinh phí mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị kỹ thuật của Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường; các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc theo đề án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và từ nguồn thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 18/02/2020.

7. NĂM HÌNH THỨC XỬ LÝ ĐỘNG VẬT RỪNG LÀ TANG VẬT, VẬT CHỨNG SAU TIẾP NHẬN

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ra Thông tư 29/2019/TT-BNNPTNT về việc quy định xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước ngày 31/12/2019. Theo đó, có 05 hình thức xử lý động vật rừng sau tiếp nhận như: Thả lại động vật rừng về môi trường tự nhiên; Cứu hộ động vật rừng; Chuyển giao động vật rừng cho vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành; Bán động vật rừng; Tiêu hủy động vật rừng, cụ thể như sau:

Một là, thả lại động vật rừng về môi trường tự nhiên đối với cá thể động vật rừng còn sống, khỏe mạnh với điều kiện: Xác định được nơi cư trú tự nhiên của loài động vật đó; Đối với động vật rừng có nguy cơ gây nguy hiểm cho người thì phải có biện pháp bảo vệ, đảm bảo an toàn sau khi thả.

Hai là, cứu hộ động vật rừng đối với cá thể động vật rừng bị thương, ốm yếu cần cứu hộ với điều kiện: Có xác nhận của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc của cơ sở cứu hộ động vật do Nhà nước quản lý về việc động vật ốm yếu, cần cứu hộ tại Biên bản xác nhận tình hình sức khỏe của động vật rừng.

Ba là, Chuyển giao động vật rừng cho vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành đối với động vật rừng thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm và không thuộc trường hợp phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Bốn là, bán động vật rừng cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật khi động vật rừng là tang vật, vật chứng thuộc loại được phép sử dụng vào mục đích thương mại, có xác nhận của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc của cơ sở cứu hộ động vật do Nhà nước quản lý về việc động vật rừng không thuộc trường hợp phải tiêu hủy tại biên bản xác nhận tình trạng sức khỏe của động vật rừng...

Năm là, tiêu hủy động vật rừng nếu xác định động vật rừng mang dịch bệnh hoặc động vật rừng không xử lý được bằng các hình thức trên hoặc động vật rừng thuộc loại phải tiêu hủy theo quy định. Tùy thuộc vào tính chất, đặc điểm của động vật rừng tiêu hủy, người có thẩm quyền quyết định một trong các hình thức tiêu hủy sau: Biện pháp cơ học, thiêu đốt, chôn, sử dụng hóa chất hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật để hủy động vật rừng, bảo đảm động vật rừng đó không còn tồn tại hoặc không còn giá trị sử dụng và không ảnh hưởng đến môi trường.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 20/02/2020.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG NHIỄM VI RÚT GÂY RA HỘI CHỨNG SUY GIẢM MIỄN DỊCH MẮC PHẢI Ở NGƯỜI (HIV/AIDS)

Bộ Y tế đang lấy ý kiến góp ý dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) số 64/2006/QH11. Ban soạn thảo đề xuất bãi bỏ 01 Điều; sửa đổi, bổ sung 06 khoản và 08 Điều so với Luật đã ban hành.

Theo dự thảo, phụ nữ mang thai tự nguyện xét nghiệm HIV được miễn phí. Đối với trường hợp phụ nữ mang thai tham gia bảo hiểm y tế khi xét nghiệm được quỹ bảo hiểm y tế chi trả, còn đối với trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế khi xét nghiệm HIV được nhà nước hỗ trợ kinh phí. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể việc chẩn đoán nhiễm HIV đối với phụ nữ mang thai, chăm sóc và điều trị đối với phụ nữ nhiễm HIV trong thời kỳ mang thai, người mẹ nhiễm HIV khi sinh con và các biện pháp nhằm giảm lây nhiễm HIV từ mẹ sang con. Nhà nước sẽ cấp miễn phí thuốc kháng HIV cho các đối tượng: phơi nhiễm hoặc nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp; phơi nhiễm hoặc nhiễm

HIV do rủi ro của kỹ thuật y tế; phụ nữ và trẻ em có chỉ định điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế; trẻ em dưới 6 tuổi nhiễm HIV; và người nhiễm HIV trong trạm giam, trại tạm giam.

Bên cạnh đó, ban soạn thảo đề nghị bãi bỏ áp dụng pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, xử lý vi phạm hành chính đối với người bị xử lý hình sự, hành chính mà bị bệnh AIDS giai đoạn cuối. Ban soạn thảo cũng đề xuất thêm Bộ Thông tin – Truyền thông có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng thường xuyên thông tin, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS, lồng ghép chương trình phòng, chống HIV/AIDS với các chương trình thông tin, truyền thông khác. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành liên quan chỉ đạo việc truyền thông và tổ chức triển khai thực hiện biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV bằng bao cao su tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú cũng như lồng ghép truyền thông phòng, chống HIV/AIDS trong các sự kiện phù hợp khác.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Thẻ Căn cước công dân có giá trị sử dụng như thế nào?

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

*** Trả lời:** Theo Điều 20 Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13 được Quốc hội ban hành ngày Số 02 ngày 13/1/2020 trang 8/10

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

20/11/2014 có quy định giá trị sử dụng của thẻ Căn cước công dân như sau:

- Thẻ Căn cước công dân là giấy tờ tùy thân của công dân Việt Nam có giá trị chứng minh về căn cước công dân của người được cấp thẻ để thực hiện các giao dịch trên lãnh thổ Việt Nam.

- Thẻ Căn cước công dân được sử dụng thay cho việc sử dụng hộ chiếu trong trường hợp Việt Nam và nước ngoài ký kết điều ước hoặc thỏa thuận quốc tế cho phép công dân nước ký kết được sử dụng thẻ Căn cước công dân thay cho việc sử dụng hộ chiếu trên lãnh thổ của nhau.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền được yêu cầu công dân xuất trình thẻ Căn cước công dân để kiểm tra về căn cước và các thông tin theo quy định; được sử dụng số định danh cá nhân trên thẻ Căn cước công dân để kiểm tra thông tin của người được cấp thẻ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định của pháp luật. Khi công dân xuất trình thẻ Căn cước công dân theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đó không được yêu cầu công dân xuất trình thêm giấy tờ khác chứng nhận các thông tin đã được nêu trên.

- Nhà nước bảo hộ quyền, lợi ích chính đáng của người được cấp thẻ Căn cước công dân theo quy định của pháp luật.

2. Hỏi: Độ tuổi đổi thẻ Căn cước công dân được quy định như thế nào?

* **Trả lời:** Theo Điều 21 Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 20/11/2014 có quy định thẻ Căn cước công dân phải được đổi khi công dân đủ 25 tuổi, đủ 40 tuổi và đủ 60 tuổi. Trường hợp thẻ Căn cước công dân được cấp, đổi, cấp lại trong thời hạn 2 năm trước tuổi quy định trên thì vẫn có giá trị sử dụng đến tuổi đổi thẻ tiếp theo.

3. Hỏi: Những cơ quan nào có thẩm quyền làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân?

* **Trả lời:** Theo Điều 26 Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 20/11/2014 có quy định công dân có thể lựa chọn một trong các nơi sau đây để làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân: cơ quan quản lý căn cước công dân của Bộ Công an; cơ quan quản lý căn cước công dân của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan quản lý căn cước công dân của Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị hành chính tương đương; cơ quan quản lý căn cước công dân có thẩm quyền tổ chức làm thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân tại xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị hoặc tại chỗ ở của công dân trong trường hợp cần thiết.

4. Hỏi: Mức thu lệ phí đối với công dân làm thẻ Căn cước công dân?

*** Trả lời:** Theo Điều 4 Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân số 59/2019/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 30/8/2019 có quy định Công dân chuyển từ Chứng minh nhân dân 9 số, Chứng minh nhân dân 12 số sang cấp thẻ Căn cước công dân: 30.000 đồng/thẻ Căn cước công dân. Đổi thẻ Căn cước công dân khi bị hư hỏng không sử dụng được; thay đổi thông tin về họ, chữ đệm, tên; đặc điểm nhận dạng; xác định lại giới tính, quê quán; có sai sót về thông tin trên thẻ; khi công dân có yêu cầu: 50.000 đồng/thẻ Căn cước công dân. Cấp lại thẻ Căn cước công dân khi bị mất thẻ Căn cước công dân, được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam: 70.000 đồng/thẻ Căn cước công dân./.